

Bản án số: 418/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Kim Dung và ông Nguyễn Đình Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 330/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2025 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu H, sinh ngày 17/11/1981; số Căn cước: 001181002282; ĐKKHKT: Số D Khu Tập thể C, Tổ dân phố G, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số D Ngõ A T, Tổ dân phố G, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá K, sinh ngày 28/10/1975; số Căn cước: 001075001495; ĐKKHKT và nơi ở: Số D Ngõ A T, Tổ dân phố G, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đề ngày 10/10/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thu H trình bày:

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Bá K kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/02/2009 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng bà H, ông K vẫn sống trong cùng một nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2024 đến nay. Bà H không có bằng chứng gì để chứng minh các mâu thuẫn đó vì các mâu thuẫn xuất hiện từ sau khi có con chung thứ nhất, mâu thuẫn thường xuyên và lớn dần. Chủ

yếu là cách chăm sóc nuôi dạy con, quan điểm sống (ví dụ như việc bà H đi chơi với các bạn của bà H thì ông K cho rằng như vậy là quá đà); tất cả các việc trong gia đình khi không được đúng như ý của vợ chồng thì ông K đều đổ lỗi cho bà H. Bà H đã nhiều lần nói chuyện với ông K để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nhiều lần mâu thuẫn đến cao trào thì ông K đều đề nghị ly hôn, vợ chồng cùng ký đơn ly hôn nhưng bà H chưa gửi đơn đến Tòa án lần nào do các con còn nhỏ. Đến lần này cả hai vợ chồng đều ký đơn gửi đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn nhưng sau đó ông K lại rút đề nghị giải quyết ly hôn, song vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm kéo dài, bà H đã không quan tâm đến ông K khoảng 10 năm nay, đến nay bà H hết cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông K.

[1.2]. Về con chung: Vợ chồng bà H và ông K có 02 con chung là: Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 25/02/2010; Nguyễn Hồng A, sinh ngày 11/6/2012. Khi ly hôn, bà H muốn được nuôi cháu Hồng A, không yêu cầu ông K đóng góp tiền nuôi cháu Hồng A; ông K nuôi cháu L vì cháu là con trai.

[1.3]. Về tài sản chung, nợ chung:

- Tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Bà H khai vợ chồng bà không có nợ chung với ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4]. Về án phí: Bà H tự nguyện nộp toàn bộ án phí.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Bá K trình bày:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: ông K xác nhận ông và bà H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp như bà H trình bày; vợ chồng có 02 con chung. Cuộc sống chung của vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông K thấy hạnh phúc với cuộc hôn nhân này. Ông K vẫn còn tình cảm với vợ và mong muốn duy trì một cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng vợ nuôi dạy các con, ông K không muốn ly hôn. Ông K không biết lý do gì bà H muốn ly hôn. Cho đến bây giờ, hàng tháng ông K vẫn đưa tiền lương cho vợ chi tiêu cho gia đình và ông K cũng trực tiếp chăm sóc gia đình.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung chung là: Nguyễn Tuấn L và Nguyễn Hồng A, hiện đang ở cùng vợ chồng ông. Ông K mong muốn cùng vợ nuôi dạy hai con. Nếu phải ly hôn, ông K đồng ý việc giao con như bà H trình bày.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác nhận như lời khai của bà H.

[2.4]. Về án phí: Bà H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ông K không có ý kiến gì.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa:

[3.1]. Nguyên đơn - bà H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì không còn tình cảm với ông K, vợ chồng không thể hòa giải để tiếp tục chung sống với nhau được; đồng thời giữ nguyên lời khai như trên về việc nuôi con.

[3.2]. Bị đơn - ông K không đồng ý ly hôn; đồng thời giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày tại các bản khai và phiên hòa giải.

[3.3]. Hai bên không thống nhất được về quan hệ hôn nhân nhưng ông K đồng ý phương án giao con chung như ý kiến của bà H nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

[4.1]. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án chưa đúng thời hạn xử lý đơn khởi kiện. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2]. Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Bà H kiên quyết xin được ly hôn với ông K do mâu thuẫn không thể khắc phục, đã hết tình cảm với ông K. Ông K cho rằng cuộc sống chung không có mâu thuẫn gì lớn, ông vẫn còn tình cảm với vợ và muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con nhưng chưa đưa ra phương án cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về nuôi con: mặc dù cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ, nhưng xét trên mọi khía cạnh, việc giao con gái là cháu Hồng A cho bà H, giao con trai là cháu L cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo sự thống nhất giữa hai ông, bà là hợp tình, hợp lý, bảo đảm điều kiện tốt nhất cho các con, đồng thời là cơ hội để cả hai chia sẻ trách nhiệm của mình đối với con chung.

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thu H, bà Nguyễn Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Bá K.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Tuấn L (nam), sinh ngày: 25/02/2010 cho ông Nguyễn Bá K; giao cháu Nguyễn Hồng A (nữ), sinh ngày: 11/6/2012 cho bà Nguyễn Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L, cháu Hồng A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà H, ông K không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết
- Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Bá K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là hợp pháp. Nay bà H khởi kiện xin ly hôn ông K và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con; ông K là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Bá K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 14/02/2009 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố Hà Nội (Giấy Chứng nhận kết hôn số 17 Quyền số 01 ngày 14/02/2009 của Ủy ban nhân dân phường M) nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong đơn đề ngày 10/10/2024 gửi Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, cả ông K và bà H ký, nêu rõ nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong quan hệ gia đình. Đến ngày 12/11/2024, ông K nộp đơn xin rút đơn thuận tình ly hôn với lý do ông thấy mâu thuẫn vợ chồng là không lớn, vẫn có thể điều chỉnh, thay đổi được, tình cảm đối với vợ vẫn còn, muốn cùng vợ nuôi dạy các con trưởng thành. Tuy nhiên, bà H không rút đơn và tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên bà H và ông K tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng bà H vẫn kiên quyết muốn ly hôn ông K, bởi lẽ bà H đã hết tình cảm với ông K, bà không còn quan tâm đến ông K từ khoảng 10 năm nay; vợ chồng sống trong cùng một nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2024 đến nay, nguyên nhân là do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Việc hòa giải đoàn tụ không thành. Về phía ông K, ông K không phủ nhận nội dung bà H trình bày, nhưng ông cho rằng mâu thuẫn đó là bình thường, ông đưa ra lý do không muốn ly hôn là vì còn tình cảm với vợ và muốn cùng vợ nuôi dạy các con.

Như vậy, giữa bà H và ông K có mâu thuẫn như bà H trình bày, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, bà H và ông K đã cùng nhau ký đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng rồi ông K lại rút yêu cầu giải quyết ly hôn vì cho rằng vẫn có thể điều chỉnh, thay đổi được. Tuy nhiên, sau khi ông K rút yêu cầu giải

quyết ly hôn, tình trạng vợ chồng vẫn không cải thiện theo hướng tốt đẹp, vợ chồng vẫn ly thân, không khắc phục được mâu thuẫn, gia đình không hạnh phúc. Mặc dù đã có thời gian để bà H và ông K suy nghĩ hàn gắn nhưng cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung, không tạo được một gia đình hạnh phúc cho tất cả các thành viên.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông K đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài đời sống chung của vợ chồng chỉ làm cho vợ, chồng và các con căng thẳng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, cần xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông K.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng bà H và ông K có 02 con chung là: Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 25/02/2010; Nguyễn Hồng A, sinh ngày 11/6/2012, hiện đang ở cùng bà H và ông K.

[2.2.1]. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn: bà H muốn được nuôi cháu Nguyễn Hồng A, không yêu cầu ông K đóng góp tiền nuôi cháu Hồng A; ông K nuôi cháu Nguyễn Tuấn L vì cháu là con trai. Ông K không nhất trí ly hôn, tuy nhiên ông cũng nhất trí với bà H về phương án giao quyền và nghĩa vụ nuôi con nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn, ông nuôi cháu L và cũng không yêu cầu bà H đóng góp tiền nuôi cháu L. Tòa án đã lấy ý kiến của cháu L và cháu Hồng A về nguyện vọng của con muốn ở với ai khi bố mẹ ly hôn, cả hai cháu đều muốn ở với mẹ. Xét thấy, cháu L và cháu Hồng A đều chưa đủ 18 tuổi, bà H và ông K đã thống nhất được về người trực tiếp nuôi con, mỗi người nuôi một con chung và không yêu cầu bên kia đóng góp tiền nuôi con, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cả bà H và ông K đều thừa nhận tình cảm và trách nhiệm của bên kia dành cho con chung, do vậy để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chung nên chấp nhận giao cháu L cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Hồng A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.2.2]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Bà H và ông K tự nguyện không yêu cầu bên kia đóng góp tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.2.3]. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn: các bên thực hiện theo các điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà H và ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà H là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình,

X: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thu H.

1. Bà Nguyễn Thu H được ly hôn ông Nguyễn Bá K.

2. Về con chung:

- Giao ông Nguyễn Bá K nuôi cháu Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 25/02/2010 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Giao bà Nguyễn Thu H nuôi cháu Nguyễn Hồng A, sinh ngày 11/6/2012 cho đến khi cháu Hồng A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Bá K tự nguyện không yêu cầu bên kia đóng góp tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn: Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Bá K thực hiện theo quy định tại các điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Bá K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Bá K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thu H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0045251 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/6/2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ánh